

Số: 237/KH-UBND

Sơn Dương, ngày 03 tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 31-CTr/ĐU ngày 12/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Sơn Dương thực hiện Nghị quyết số 90-NQ/TU ngày 12/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Chương trình hành động số 31-CTr/ĐU ngày 12/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Sơn Dương thực hiện Nghị quyết số 90-NQ/TU ngày 12/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030, Ủy ban nhân dân xã Sơn Dương ban hành Kế hoạch thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được xác định tại Chương trình hành động số 31-CTr/ĐU của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Sơn Dương; xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, trưởng thôn, chủ rừng và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong tổ chức thực hiện, bảo đảm thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện trên phạm vi toàn xã.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp; phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng bền vững, đa giá trị, gắn quản lý, bảo vệ và phát triển rừng với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống Nhân dân, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn xã giai đoạn 2026-2030.

2. Yêu cầu

Việc tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình hành động số 31-CTr/ĐU, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, trưởng thôn và chủ rừng trong tổ

chức thực hiện.

Các nhiệm vụ được triển khai phải có trọng tâm, trọng điểm, xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện, kết quả đầu ra và cơ chế kiểm tra, giám sát; bảo đảm lồng ghép hiệu quả với các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu quốc gia đang triển khai trên địa bàn.

Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ đã đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Phát triển lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng của địa phương theo hướng bền vững, hiệu quả, đa giá trị; quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả diện tích rừng hiện có; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của rừng trồng; đẩy mạnh phát triển rừng gỗ lớn, quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ rừng; phát triển kinh tế dưới tán rừng, dược liệu, lâm sản ngoài gỗ và các hoạt động dịch vụ môi trường rừng; góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về kinh tế

- Sản lượng gỗ rừng trồng khai thác ổn định, bảo đảm phù hợp với cơ cấu rừng trồng, chu kỳ kinh doanh và yêu cầu phát triển rừng bền vững, phấn đấu đạt khoảng 35.000 m³/năm.

- Giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng bình quân 8-10%/năm; tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị thu được trên mỗi héc-ta rừng trồng sau một chu kỳ kinh doanh đạt khoảng 10%/năm trở lên.

- Tỷ lệ gỗ rừng trồng đưa vào các nhà máy chế biến sâu, chế biến tinh phân đấu đạt trên 70%.

- Đẩy mạnh phát triển các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển kinh tế dưới tán rừng thông qua lâm sản ngoài gỗ và dược liệu bản địa để phấn đấu đóng góp khoảng 10% vào tổng giá trị sản xuất lâm nghiệp.

- Từng bước hình thành và phát triển các điểm, khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng gắn với quy hoạch không gian lâm nghiệp, lộ trình đầu tư hạ tầng phù hợp và kết nối các khu du lịch trọng điểm của tỉnh và liên kết vùng; phấn đấu thu hút khoảng 10.000 lượt khách/năm.

- Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở dữ liệu, kiểm kê và lượng hóa trữ lượng các-bon rừng. Chủ động tham gia thị trường tín chỉ các-bon rừng phù hợp với lộ trình và khuôn khổ pháp lý của Trung ương khi đủ điều kiện.

b) Về môi trường

- Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả diện tích rừng hiện có và diện tích rừng tăng thêm hàng năm gắn với cung ứng, chi trả dịch vụ môi trường rừng; duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định trên 43%.

- Trồng rừng duy trì ổn định khoảng 250 ha/năm, rừng gỗ lớn phần đầu đạt 40% diện tích rừng trồng; có ít nhất 3.000 ha rừng trồng tập trung của các chủ rừng là tổ chức và các mô hình liên kết được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, trong đó 100% diện tích rừng sản xuất của các tổ chức, doanh nghiệp được quản lý bền vững, trên 60% diện tích rừng trồng của hộ gia đình đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

c) Về xã hội

- Tạo việc làm và nâng cao chất lượng việc làm trong lĩnh vực lâm nghiệp và du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; từng bước nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn gắn bó với rừng.

- Cải thiện điều kiện sống, hạ tầng thiết yếu cho cộng đồng dân cư gắn bó với rừng; phần đầu 100% cộng đồng vùng đệm tại các khu rừng đặc dụng (*Vườn quốc gia Tam Đảo*) được sử dụng nước hợp vệ sinh, điện và hạ tầng thiết yếu.

- Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo trong ngành lâm nghiệp đạt tối thiểu 75%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ phần đầu đạt khoảng 30 - 40%; lồng ghép, huy động các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ một phần bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện cho lực lượng trực tiếp quản lý, bảo vệ rừng ở cơ sở.

- Thu nhập bình quân của hộ gia đình làm nghề rừng tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2025, góp phần giảm nghèo bền vững.

- 100% hộ nhận khoán bảo vệ rừng được hưởng đầy đủ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và các chính sách hỗ trợ liên quan.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp

Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lâm nghiệp; tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được xác định tại Chương trình hành động số 31-CTr/ĐU của Ban Thường vụ Đảng ủy xã; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, các chủ rừng, doanh nghiệp và Nhân dân đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước của UBND xã đối với toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn; thường xuyên rà soát, cập nhật hồ sơ quản lý rừng, đất lâm nghiệp; tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến rừng và đất lâm nghiệp, kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở; bảo đảm mọi diện tích rừng và đất lâm nghiệp đều được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về lâm nghiệp; tăng

cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến rừng và đất lâm nghiệp; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp theo quy định.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyên đổi số trong lĩnh vực lâm nghiệp; từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp; nâng cao chất lượng công tác thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng, bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và tổng hợp báo cáo.

2. Tăng cường quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và bảo tồn thiên nhiên

Tổ chức thực hiện nghiêm trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ rừng theo quy định; phát huy vai trò của các cơ quan, đơn vị, trưởng thôn, chủ rừng và cộng đồng dân cư trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm bảo vệ an toàn diện tích rừng hiện có, hạn chế thấp nhất các hành vi xâm hại rừng và đất lâm nghiệp.

Tăng cường công tác phối hợp giữa Hạt Kiểm lâm khu vực I, Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã, các chủ rừng và các lực lượng có liên quan trong tuần tra, kiểm tra, kiểm soát địa bàn; chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi phá rừng, khai thác, vận chuyển, mua bán lâm sản trái pháp luật, lấn chiếm đất lâm nghiệp và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Thường xuyên rà soát, bổ sung và tổ chức thực hiện có hiệu quả phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; kiện toàn Tổ bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại cơ sở; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, dụng cụ, vật tư theo phương châm “4 tại chỗ”; tổ chức trực, tuần tra canh gác trong thời gian cao điểm nắng nóng, hanh khô, có nguy cơ cháy rừng cao; chủ động ứng phó, xử lý kịp thời các tình huống cháy rừng xảy ra.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân trong sử dụng lửa trong và gần rừng; tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng đối với các hộ gia đình sinh sống gần rừng và các chủ rừng theo quy định.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ các loài động vật hoang dã, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; phối hợp thực hiện các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái và các giá trị của hệ sinh thái rừng trên địa bàn.

3. Phát triển rừng, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng

Tập trung tổ chức thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu phát triển rừng được giao; nâng cao chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng của rừng trồng; từng bước chuyển từ phát triển rừng theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, lấy năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế làm mục tiêu chủ đạo; gắn phát triển rừng với bảo

vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch trồng rừng tập trung và trồng cây phân tán hàng năm; khuyến khích người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và các chủ rừng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất giống, trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng; tăng tỷ lệ sử dụng giống cây lâm nghiệp có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương.

Đẩy mạnh phát triển rừng gỗ lớn theo mục tiêu của Chương trình hành động số 31-CTr/ĐU; hướng dẫn các chủ rừng áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh, kéo dài chu kỳ kinh doanh, nâng cao chất lượng gỗ nguyên liệu; khuyến khích hình thành các vùng rừng trồng tập trung phục vụ chế biến sâu và phát triển chuỗi giá trị lâm sản bền vững.

Tăng cường thực hiện quản lý rừng bền vững; hỗ trợ các chủ rừng xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; thúc đẩy liên kết giữa các chủ rừng với doanh nghiệp trong thực hiện cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC hoặc tương đương), góp phần nâng cao giá trị sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh lâm nghiệp.

Khuyến khích các chủ rừng thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất rừng trồng, cải tạo rừng năng suất thấp, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; phát triển các mô hình sản xuất lâm nghiệp tiên tiến, ứng dụng công nghệ mới trong quản lý, chăm sóc và khai thác rừng theo hướng bền vững.

4. Phát triển kinh tế lâm nghiệp đa giá trị gắn với bảo đảm an sinh xã hội

Phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng đa giá trị, khai thác hợp lý tiềm năng, lợi thế của rừng và đất lâm nghiệp; kết hợp hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương và nâng cao đời sống Nhân dân; coi phát triển kinh tế lâm nghiệp là một trong những giải pháp quan trọng nhằm tạo sinh kế bền vững, giảm nghèo và nâng cao thu nhập cho người dân.

Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất lâm nghiệp; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh tế dưới tán rừng, phát triển cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ và các mô hình sản xuất có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất và nhu cầu thị trường; ưu tiên phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong lĩnh vực lâm nghiệp; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác lâm nghiệp; tăng cường liên kết giữa các chủ rừng với doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm rủi ro thị trường và nâng cao thu nhập cho người dân.

Khuyến khích phát triển các sản phẩm lâm nghiệp có lợi thế cạnh tranh; từng bước nâng cao tỷ lệ sản phẩm được chế biến, nâng cao giá trị gia tăng của

sản phẩm lâm nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các chương trình hỗ trợ sản xuất, đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật và các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế lâm nghiệp.

Tăng cường lồng ghép các chương trình phát triển lâm nghiệp với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác; ưu tiên hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng sống phụ thuộc vào rừng phát triển sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống.

Nghiên cứu, khai thác tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng gắn với cảnh quan rừng, các giá trị văn hóa truyền thống và các sản phẩm đặc trưng của địa phương theo định hướng phát triển của tỉnh và phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực lâm nghiệp

Xác định ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, năng suất lao động, chất lượng sản xuất và giá trị gia tăng của ngành lâm nghiệp; từng bước đổi mới phương thức quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn, đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan trong việc chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất lâm nghiệp; đẩy mạnh áp dụng các giống cây lâm nghiệp có năng suất, chất lượng cao; ứng dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác và chế biến lâm sản nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và khả năng cạnh tranh của sản phẩm lâm nghiệp.

Từng bước thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực lâm nghiệp; tổ chức rà soát, cập nhật, số hóa hồ sơ quản lý rừng, đất lâm nghiệp và các dữ liệu chuyên ngành; phối hợp ứng dụng các phần mềm, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ công tác theo dõi diễn biến rừng, quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và tổng hợp báo cáo; bảo đảm dữ liệu được cập nhật thường xuyên, đồng bộ, chính xác và phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lâm nghiệp; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, lực lượng tham gia quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho các chủ rừng, hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân nhằm nâng cao trình độ sản xuất, quản lý và tổ chức thực hiện các mô hình kinh tế lâm nghiệp.

Khuyến khích người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo nghề, chuyển giao kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất lâm nghiệp; tạo điều kiện để tiếp cận các mô hình sản xuất tiên tiến, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6. Tăng cường tuyên truyền, huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện

Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; xác định phát triển lâm nghiệp bền vững không chỉ là nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước mà là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng dân cư, các chủ rừng, doanh nghiệp và toàn xã hội.

Đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lâm nghiệp; tuyên truyền các mô hình sản xuất lâm nghiệp hiệu quả, các điển hình tiên tiến trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, giá trị kinh tế, xã hội và môi trường của rừng, trách nhiệm bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và phát triển sinh kế bền vững gắn với rừng.

Chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển lâm nghiệp vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nguồn vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển lâm nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, hợp tác xã và các chủ rừng tham gia liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp; huy động nguồn lực xã hội hóa cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, phát triển kinh tế dưới tán rừng, phát triển dược liệu, du lịch sinh thái và các hoạt động lâm nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; đồng thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm trong quá trình tổ chức thực hiện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; nguồn vốn từ các chương trình, đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn vốn chi trả dịch vụ môi trường rừng; nguồn vốn của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân; nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện hằng năm, lồng ghép với các chương trình, dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đang triển khai trên địa bàn nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tránh chồng chéo, trùng lặp trong quá trình tổ chức thực hiện.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã và các chủ rừng tham gia đầu tư phát triển lâm nghiệp; đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội hóa cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phát triển kinh tế dưới tán rừng, phát triển dược liệu, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và các hoạt động sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế xã

Là cơ quan thường trực tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch; chủ động tham mưu UBND xã cụ thể hóa các nhiệm vụ phát triển lâm nghiệp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương.

Chủ trì tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn; phối hợp với Hạt Kiểm lâm khu vực I và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; quản lý rừng bền vững, phát triển rừng gỗ lớn, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, phát triển kinh tế lâm nghiệp, kinh tế dưới tán rừng và các nhiệm vụ chuyên ngành khác theo quy định.

Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch; tham mưu UBND xã thực hiện chế độ sơ kết, tổng kết, đánh giá định kỳ và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Hạt Kiểm lâm khu vực I

Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lâm nghiệp; tham mưu triển khai các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo tồn thiên nhiên, theo dõi diễn biến rừng và xử lý vi phạm pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn.

Phối hợp hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ về quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, phát triển rừng gỗ lớn, chuyển đổi số trong lâm nghiệp và các nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội

Chủ trì tham mưu thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lâm nghiệp; tuyên truyền các mô hình sản xuất lâm nghiệp hiệu quả, các điển hình tiên tiến trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Phối hợp tham mưu thực hiện các nhiệm vụ đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và các nhiệm vụ liên quan đến phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển lâm nghiệp trên địa bàn.

4. Trung tâm Dịch vụ công xã

Tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm; chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất lâm nghiệp hiệu quả; hướng dẫn phát triển kinh tế dưới tán rừng, dược liệu và lâm sản ngoài gỗ.

Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất lâm nghiệp; hỗ trợ người dân, hợp tác xã và các chủ rừng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế lâm nghiệp.

5. Công an xã

Phối hợp với Hạt Kiểm lâm khu vực I, Ban Chỉ huy Quân sự xã và các cơ quan có liên quan trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; đấu tranh phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp theo quy định.

Chủ động tham gia bảo đảm an ninh, trật tự tại các khu vực trọng điểm về rừng; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, ứng phó các tình huống khẩn cấp liên quan đến bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

6. Ban Chỉ huy Quân sự xã: Phối hợp xây dựng, rà soát và tổ chức thực hiện các phương án phòng cháy chữa cháy rừng; chuẩn bị lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng, cứu hộ, cứu nạn theo phương châm “4 tại chỗ”; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ rừng và xử lý các tình huống khẩn cấp phát sinh trên địa bàn.

7. Trưởng thôn

Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các quy định của pháp luật về lâm nghiệp; phát huy vai trò cộng đồng dân cư trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phối hợp với các lực lượng chức năng và chủ rừng trong công tác tuần tra, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

Kịp thời phát hiện, thông tin, báo cáo các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, các nguy cơ cháy rừng và các vấn đề phát sinh liên quan đến quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn để xử lý theo quy định.

8. Các chủ rừng, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp

Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về lâm nghiệp; thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đối với diện tích được giao quản lý; chủ động xây dựng và thực hiện các phương án quản lý rừng bền vững, phương án phòng cháy chữa cháy rừng theo quy định.

Tích cực tham gia liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp; phát triển rừng gỗ lớn, chứng chỉ quản lý rừng bền vững, kinh tế dưới tán rừng và các hoạt động sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp khác theo định hướng phát triển của địa phương.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện hiệu quả các phong trào toàn dân bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và phát triển kinh tế lâm nghiệp.

Tăng cường giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lâm nghiệp; kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện Kế hoạch.

10. Chế độ kiểm tra, giám sát và báo cáo

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch này có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện thuộc lĩnh vực được phân công; định kỳ đánh giá kết quả thực hiện và gửi báo cáo về Phòng Kinh tế xã để tổng hợp.

Giao Phòng Kinh tế xã chủ trì, phối hợp với Hạt Kiểm lâm khu vực I và các cơ quan liên quan tham mưu UBND xã tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn; tổng hợp, tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Hàng năm tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao; năm 2028 tổ chức sơ kết giữa kỳ thực hiện Kế hoạch; năm 2030 tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Kế hoạch làm cơ sở tham mưu xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển lâm nghiệp trong giai đoạn tiếp theo.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, bộ phận liên quan kịp thời báo cáo UBND xã xem xét, chỉ đạo hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TTr Đảng ủy, HĐND xã (Báo cáo);
- Chủ tịch UBND xã;
- Các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Chánh, PVP HĐND và UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Thành

PHỤ LỤC I
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
NGHỊ QUYẾT SỐ 90-NQ/TU GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 03/7/2026 của UBND xã Sơn Dương)

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Mục tiêu năm 2030
I	BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG		
1	Sản lượng gỗ rừng trồng khai thác hằng năm	Triệu m ³ /năm	35
2	Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp bình quân	%/năm	Khoảng 10
3	Giá trị thu được trên 01 ha rừng trồng sau một chu kỳ kinh doanh	Triệu đồng/ha	≥ 190
4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	Trên 43
5	Diện tích trồng rừng mới	Ha/năm	Khoảng 250
6	Diện tích rừng trồng gỗ lớn	Ha	Khoảng 40% diện tích rừng trồng mới
7	Diện tích rừng sản xuất được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững	Ha	Trên 3.000
8	Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất của tổ chức được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững	%	100
9	Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất của hộ gia đình được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững	%	Trên 60
II	KINH TẾ LÂM NGHIỆP VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN		
10	Tỷ lệ gỗ rừng trồng đưa vào chế biến sâu	%	Trên 70
11	Quy mô chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ		Phát triển theo hướng hiện đại, giá trị gia tăng cao
12	Thu từ dịch vụ môi trường rừng	Triệu đồng/năm	Duy trì và tăng trưởng ổn định
III	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CÁC-BON RỪNG		
13	Cơ sở dữ liệu lâm nghiệp được xây dựng, vận hành đồng bộ	%	100

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Mục tiêu năm 2030
14	Cơ sở dữ liệu các-bon rừng được xây dựng, cập nhật	%	100
15	Diện tích rừng được điều tra, đánh giá tiềm năng hấp thụ và lưu giữ các-bon	Ha	Hoàn thành điều tra, đánh giá đối với các khu vực đủ điều kiện theo lộ trình của tỉnh.
16	Hệ thống truy xuất nguồn gốc lâm sản được áp dụng đối với các chuỗi sản xuất chủ lực	%	Tăng dần hằng năm
IV	SINH KẾ VÀ AN SINH XÃ HỘI		
17	Lao động trong ngành lâm nghiệp được đào tạo	%	Trên 75
18	Lao động có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp	%	30-40
19	Thu nhập bình quân của hộ gia đình làm nghề rừng	Lần so với năm 2025	Tăng ít nhất 1,5 lần
20	Tỷ lệ hộ nghèo khu vực có rừng		Giảm bền vững
V	QUẢN TRỊ RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP		
21	Tỷ lệ diện tích rừng được xác lập chủ quản lý theo quy định của pháp luật	%	Tăng hằng năm
22	Tỷ lệ diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê được rà soát, lập hồ sơ quản lý	%	100
23	Cơ sở dữ liệu diện tích rừng và đất lâm nghiệp chưa giao, chưa cho thuê	%	Hoàn thành xây dựng
VI	DU LỊCH SINH THÁI VÀ KINH TẾ DƯỚI TÁN RỪNG		
24	Các mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng	Mô hình	Hình thành tại các khu vực đủ điều kiện
25	Các mô hình phát triển kinh tế dưới tán rừng, được liệu và lâm sản ngoài gỗ	Mô hình	Tăng hằng năm

PHỤ LỤC II
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND xã Sơn Dương)

TT	Nhóm chỉ tiêu, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả đầu ra chủ yếu	Thời gian thực hiện
1	Duy trì tỷ lệ che phủ rừng; quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có; thực hiện các chỉ tiêu về quản trị rừng và đất lâm nghiệp (chỉ tiêu số 4, 21, 22, 23)	Hạt Kiểm lâm khu vực I	Phòng Kinh tế xã, các thôn, chủ rừng	Hồ sơ quản lý rừng, dữ liệu theo dõi diễn biến rừng được cập nhật; diện tích rừng được quản lý theo quy định	Thường xuyên
2	Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; giảm thiểu vi phạm pháp luật về lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm khu vực I	Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự xã, Phòng Kinh tế xã, các thôn, chủ rừng	Kế hoạch PCCCR hằng năm; các đợt tuần tra, kiểm tra; báo cáo kết quả bảo vệ rừng	Hằng năm
3	Thực hiện chỉ tiêu trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán; nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng (chỉ tiêu số 5)	Hạt Kiểm lâm khu vực I	Phòng Kinh tế xã, Trung tâm Dịch vụ công xã, các chủ rừng	Diện tích trồng rừng mới đạt kế hoạch được giao	Hằng năm
4	Phát triển rừng gỗ lớn (chỉ tiêu số 6)	Hạt Kiểm lâm khu vực I	Phòng Kinh tế xã, Trung tâm Dịch vụ công xã, các chủ rừng	Diện tích rừng gỗ lớn tăng theo lộ trình; các mô hình chuyển hóa rừng gỗ lớn được triển khai	Giai đoạn 2026-2030
5	Thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng (chỉ tiêu số 7, 8, 9)	Phòng Kinh tế xã	Hạt Kiểm lâm khu vực I, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ rừng	Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững tăng theo kế hoạch	Giai đoạn 2026-2030

TT	Nhóm chỉ tiêu, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả đầu ra chủ yếu	Thời gian thực hiện
6	Nâng cao sản lượng gỗ khai thác, giá trị sản xuất lâm nghiệp và giá trị thu được trên đơn vị diện tích rừng trồng (chỉ tiêu số 1, 2, 3)	Phòng Kinh tế xã	Hạt Kiểm lâm khu vực I, Trung tâm Dịch vụ công xã, hợp tác xã, doanh nghiệp, chủ rừng	Năng suất, sản lượng và giá trị sản xuất lâm nghiệp tăng theo mục tiêu	Giai đoạn 2026-2030
7	Phát triển chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ; nâng tỷ lệ gỗ đưa vào chế biến sâu (chỉ tiêu số 10, 11)	Phòng Kinh tế xã	Hợp tác xã, doanh nghiệp, chủ rừng	Các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm lâm nghiệp được hình thành và mở rộng	Giai đoạn 2026-2030
8	Tổ chức thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; duy trì và tăng trưởng nguồn thu DVMTR (chỉ tiêu số 12)	Phòng Kinh tế xã	Hạt Kiểm lâm khu vực I, các chủ rừng	Nguồn thu DVMTR được quản lý, sử dụng hiệu quả	Hàng năm
9	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu lâm nghiệp; chuyển đổi số trong lĩnh vực lâm nghiệp (chỉ tiêu số 13, 14, 16, 23)	Hạt Kiểm lâm khu vực I	Phòng Kinh tế xã, Phòng Văn hóa - Xã hội	Hệ thống dữ liệu lâm nghiệp được số hóa, cập nhật đồng bộ	Giai đoạn 2026-2030
10	Điều tra, đánh giá tiềm năng hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng (chỉ tiêu số 15)	Phòng Kinh tế xã	Hạt Kiểm lâm khu vực I, các chủ rừng	Dữ liệu điều tra, đánh giá tiềm năng các-bon rừng theo lộ trình của tỉnh	Theo kế hoạch cấp trên
11	Đào tạo, tập huấn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lâm nghiệp (chỉ tiêu số 17, 18)	Trung tâm Dịch vụ công xã	Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế xã, Hạt Kiểm lâm khu vực I	Các lớp đào tạo, tập huấn; tỷ lệ lao động được đào tạo tăng theo mục tiêu	Hàng năm

TT	Nhóm chỉ tiêu, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả đầu ra chủ yếu	Thời gian thực hiện
12	Phát triển sinh kế lâm nghiệp, nâng cao thu nhập hộ làm nghề rừng, giảm nghèo bền vững (chỉ tiêu số 19, 20)	Phòng Văn hóa - Xã hội	Phòng Kinh tế xã, Trung tâm Dịch vụ công xã, các thôn	Các mô hình sinh kế được hỗ trợ; thu nhập người dân tăng; tỷ lệ hộ nghèo giảm	Giai đoạn 2026-2030
13	Phát triển kinh tế dưới tán rừng, cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ (chỉ tiêu số 25)	Phòng Kinh tế xã	Trung tâm Dịch vụ công xã, hợp tác xã, doanh nghiệp, chủ rừng	Các mô hình kinh tế dưới tán rừng được hình thành, nhân rộng	Giai đoạn 2026-2030
14	Phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng gắn với rừng (chỉ tiêu số 24)	Phòng Văn hóa - Xã hội	Phòng Kinh tế xã, các thôn, hợp tác xã, doanh nghiệp	Mô hình du lịch sinh thái được hình thành tại khu vực đủ điều kiện	Giai đoạn 2026-2030
15	Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp; vận động Nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	Phòng Văn hóa - Xã hội	Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, Hạt Kiểm lâm khu vực I, các thôn	Các đợt tuyên truyền, hội nghị, tài liệu tuyên truyền được tổ chức thường xuyên	Hằng năm
16	Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch	Phòng Kinh tế xã	Hạt Kiểm lâm khu vực I, các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo định kỳ; sơ kết giữa kỳ năm 2028; tổng kết năm 2030	Thường xuyên